TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 8 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công.

2. Bà Lê Thị Thiện.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 521/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐ-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: 36/1A khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Nhật N, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: 13/10, đường 35, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 36/1A khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2023 và bản tự khai ngày 16/6/2023, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Nhật N tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 28/11/2017.

Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không cùng suy nghĩ, không đồng quan điểm sống. Bên cạnh đó, mỗi lần vợ chồng có mâu thuẫn, ông N thường lôi gia đình, cha mẹ của bà T ra để chửi bới, lăng mạ. Sự việc cứ lặp đi lặp lại, năm này qua năm nọ, bà T thấy vô cùng ức chế, vợ chồng không thể dung hòa được, cuộc sống hôn nhân nặng

nề, không hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông Nguyễn Nhật N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và và ông Nguyễn Nhật N có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 20/8/2020. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản chứng thực Căn cước công dân, xác nhận thông tin cư trú*; Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh; Hợp đồng lao động; Phiếu lương và các tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ vụ án.*

Bị đơn ông Nguyễn Nhật N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn không đến làm việc cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Nhật N cũng như yêu cầu về con chung, cấp dưỡng nuôi con; bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Nhật N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nay bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề ly hôn và con chung. Ông Nguyễn Nhật N hiện cư trú tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Nhật N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Nhật N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị T cho rằng từ năm 2021, bà T và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về suy nghĩ và quan điểm sống, mỗi lần xảy ra mâu thuẫn thì ông N luôn xúc phạm, lăng mạ bà T cũng như cha mẹ bà T. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 thì bà T và ông N không còn giữ mối quan hệ vợ chồng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bên cạnh đó, từ khi bà T nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Thuận An cho đến nay, ông N có biết việc bà T muốn ly hôn nhưng không có động thái gì nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ông N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai, hòa giải, tham gia phiên tòa để nhằm mục đích đoàn tụ nhưng vẫn không đến Tòa, thể hiện ý chí ông N không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu được ly hôn với ông N.

[2.3] Về con chung: Bà T có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 20/8/2020 sống chung với bà T từ khi sinh ra cho đến hiện tại, việc chăm sóc con cái chủ yếu do bà T lo liệu. Bà T từ trước đến nay làm kế toán doanh nghiệp, có công việc, có thu nhập và có nhà ở ổn định. Bên cạnh đó, con chung cho đến thời điểm hiện tại chưa đủ 3 tuổi nên việc giao con cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà T, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Nhật N về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Nhật N.

- Về con chung: Bà Lê Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 20/8/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Nhật N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0004591 ngày 24/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Thuận An;
- Chi cục THADS TP. Thuận An;
- Phòng Tư pháp tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Vương